

# LỢI THẾ TRONG VIỆC HỌC TIẾNG VIỆT CỦA NGƯỜI BIẾT TIẾNG HOA

## ADVANTAGES OF CHINESE-SPEAKING LEARNERS IN STUDYING VIETNAMESE

*Nguyễn Tuấn Nghĩa\**

*Nguyễn Thị Diễm Phương\*\**

### DẪN NHẬP

“Tiếng Việt là khó hay dễ?”, câu trả lời phụ thuộc vào đặc điểm của cá nhân mỗi người học. Không ít người phải khổ sở vật lộn với tiếng Việt như Tabitha Carvan [Tabitha Carvan 2011], trong khi những người như George Millo lại cảm thấy tiếng Việt quá dễ học và nhanh chóng chỉ ra hàng loạt cái dễ của tiếng Việt [Y Vân 2016]. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thì xếp tiếng Việt trong nhóm khó học ở mức trung bình và người nói tiếng Anh mất khoảng 1.100 giờ học để thạo tiếng Việt [Thanh Bình 2015].

Trong quá trình giảng dạy tiếng Việt, chúng tôi cũng gặp rất nhiều học viên người Hàn Quốc biết chữ Hán. Khả năng hiểu, ghi nhớ và sử dụng các từ vựng Hán Việt của các học viên này tốt hơn hẳn những học viên khác trong lớp. Thậm chí, chúng tôi còn biết một học viên người Mỹ rất giỏi tiếng Hoa và chứng kiến trình độ tiếng Việt của anh được nâng lên rất nhanh chóng chỉ sau gần một năm học tiếng Việt.

Thực tế trên cho thấy các học viên người Đài Loan, Trung Quốc nói riêng hay bất cứ học viên nào biết tiếng Hoa nói chung đều có những ưu thế đặc biệt trong việc học tiếng Việt. Đây là những thuận lợi rất lớn mà không chỉ người học nên biết để phát huy mà cả người dạy cũng cần lưu tâm tận dụng để nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy tiếng Việt của mình.

Mặc dù lợi thế trong việc học tiếng Việt của người biết tiếng Hoa là rõ ràng nhưng theo tìm hiểu của chúng tôi thì việc nghiên cứu vấn đề này vẫn còn khá ít ỏi, trong đó đáng chú ý là nghiên cứu của hai tác giả Nguyễn Ngọc Chinh và Nguyễn Hoàng Thân về “Đặc điểm tương đồng và dị biệt của ngôn ngữ và của văn hóa Việt, Trung ảnh hưởng tới việc sử dụng, tiếp thu tiếng Việt trong quá trình học tập của sinh viên Trung Quốc”. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn chủ yếu tập trung vào việc so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ và gợi ý về các thuận lợi trên bình diện lí thuyết mà chưa thấy nhiều khảo sát kinh nghiệm của người học trên thực tế.

Do đó, trên cơ sở kế thừa, tổng kết các kết quả nghiên cứu đi trước, chúng tôi tiến hành nghiên cứu các học viên biết tiếng Hoa đã và đang học tiếng Việt để từ đó tìm ra đáp án cho các câu hỏi: “Biết tiếng Hoa có thực sự là lợi thế khi học tiếng Việt hay không?” và “Học

\* Thạc sĩ, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

\*\* Thạc sĩ, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

viên đã nhận thức và tận dụng lợi thế này như thế nào?”. Chúng tôi hi vọng các thông tin của báo cáo sẽ hữu ích cho công tác nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt ở Việt Nam cũng như tại Đài Loan, Trung Quốc, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập tiếng Việt trong giai đoạn hiện nay.

## LỢI THẾ CỦA VIỆC BIẾT TIẾNG HOA KHI HỌC TIẾNG VIỆT

### 1. Cơ sở tạo nên lợi thế

Đối với người học, một ngôn ngữ mới khó hay dễ phụ thuộc vào hai yếu tố: một là sự giản đơn của bản thân ngôn ngữ ấy, hai là sự tương đồng của ngôn ngữ ấy với các ngôn ngữ mà cá nhân đó đã biết từ trước. Cả hai yếu tố này đều giúp cho học viên tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức trong quá trình tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ mới so với các ngôn ngữ khác. Tuy nhiên, chính yếu tố thứ hai - sự tương đồng - mới tạo ra lợi thế cho những học viên này so với những người học khác.

Lợi thế của những người biết tiếng Hoa xuất phát từ vị thế đặc biệt của nền văn hóa Trung Hoa trong khu vực và mối quan hệ lịch sử giữa hai dân tộc Việt Nam - Trung Hoa. Chính sự tương đồng và gần gũi giữa hai ngôn ngữ và hai nền văn hóa là cơ sở vững chắc tạo nên lợi thế cho người biết tiếng Hoa học tiếng Việt và ngược lại. Tiếp theo, chúng tôi sẽ trình bày cơ sở tạo nên lợi thế của người biết tiếng Hoa khi học tiếng Việt trên bốn phương diện: ngữ âm, từ ngữ, ngữ pháp và văn hóa.

#### 1.1. Ngữ âm

So với các ngôn ngữ khác, ngữ âm tiếng Hoa và tiếng Việt có nhiều đặc điểm tương đồng. Các đặc điểm này được tác giả Nguyễn Ngọc Chinh và Nguyễn Hoàng Thân nêu ra khá đầy đủ<sup>1</sup>.

Thứ nhất, cả hai ngôn ngữ đều có âm tiết tính rất rõ, giới hạn giữa các âm tiết dứt khoát, rõ ràng chứ không mập mờ, lẫn lộn. Số lượng từ đơn âm tiết chiếm tỉ lệ cao, còn trong những từ song âm tiết, đa âm tiết thì ranh giới giữa các âm tiết cũng rất rõ.

- Tiếng Việt:	tôi	nghiên cứu	Đông phương học
- Tiếng Hoa:	我 [wǒ]	研究 [yán jiū]	東方學 [dōng fāng xué]

Thứ hai, nhạc tính của cả tiếng Việt lẫn tiếng Hoa đều phong phú, đều có thanh điệu cao thấp, có ngữ điệu trầm bổng, nhanh chậm.

- Tiếng Việt:	bao	bào	báo	bảo	bã	bạo
- Tiếng Hoa:	[bāo]	[bào]	[bǎo]	[bào]	[bao]	

Thứ ba, số âm tiết do nguyên âm ghép tạo thành tương đối nhiều, làm ngữ âm Việt, Hoa biến hoá linh hoạt, uyển chuyển.

<sup>1</sup> Nguyễn Ngọc Chinh và Nguyễn Hoàng Thân, 2007, tr. 6-9.

- Tiếng Việt:      hoa              tiên              hương

- Tiếng Hoa:      花 [huā]          仙 [xiān]      香 [xiāng]

Thứ tư, nguyên âm chiếm ưu thế. Số lượng các âm tiết do một nguyên âm đơn hoặc một nguyên âm ghép cấu thành khá lớn so với các ngôn ngữ khác.

- Tiếng Việt:      a                      ưu                      yêu

- Tiếng Hoa:      阿 [ā]              優 [yōu]          愛 [ài]

Thứ năm, tiếng Hoa và tiếng Việt hiện đại đều không có phụ âm ghép, trừ một số từ ngữ ngoại lai dịch âm từ ngôn ngữ Ấn Âu.

Thứ sáu, âm tiết và hình vị trong hai ngôn ngữ này hầu hết là trùng nhau.

- Tiếng Việt: dân tộc chủ nghĩa (4 hình vị “dân”, “tộc”, “chủ”, “nghĩa”)

- Tiếng Hoa: 民族主義 [mín zú zhǔ yì] (4 hình vị “mín”, “zú”, “zhǔ”, “yì”)

Thứ bảy, về mặt cấu trúc, khác với ngôn ngữ Ấn - Âu chỉ có hai thành phần, âm tiết trong tiếng Việt và tiếng Hoa đều do năm thành phần cấu tạo nên.

- Tiếng Việt: âm đầu - âm đệm - âm chính - âm cuối - thanh điệu

- Tiếng Hoa: thủy âm      - giới âm - chính âm - chung âm - thanh điệu

Ngoài ra, khi so sánh cách phát âm của hai hệ thống ngôn ngữ, chúng ta còn nhận thấy có khá nhiều âm rất giống nhau hoặc gần giống nhau.

Về thanh mẫu, trong 21 thanh mẫu của tiếng Hoa phổ thông thì có 17 thanh mẫu có cách đọc giống hoặc gần giống với tiếng Việt, cụ thể:

<b>Hoa</b>	b	m	f	d	n	t	l	g	k
<b>Việt</b>	p	m	ph	t	n	th	l	c / k	kh

<b>Hoa</b>	h	j	x	z	s	r	zh	sh	
<b>Việt</b>	h	ch	x	ch	x	r	tr	s	

Về vận mẫu, 29 trong tổng số 36 vận mẫu của tiếng Hoa phổ thông có cách đọc tương đương trong tiếng Việt, cụ thể:

<b>Hoa</b>	i	i	u	e	e	e	o	a	ü	ai
<b>Việt</b>	i	ư	u	ư	ơ	ê	o	a	uy	ai

<b>Hoa</b>	ei	ao	ou	an	en	ang	eng	ong	ing	ua
<b>Việt</b>	ây	ao	âu	an	ân	ang	âng	ung	inh	ua

<b>Hoa</b>	uo	uai	uei	üan	uen	uang	ueng	üe	ün	
<b>Việt</b>	uô	oai	uây	oên	uân	oang	uâng	uê	uyn	

Về thanh điệu, 4 thanh điệu của tiếng Hoa có cách đọc gần với các thanh điệu trong tiếng Việt, cụ thể:

Tiếng Hoa	Tiếng Việt
- Thanh 1 - âm bình	- Gần giống với thanh ngang
- Thanh 2 - dương bình	- Gần giống với thanh sắc
- Thanh 3 - thượng thanh	- Gần giống với thanh hỏi
- Thanh 4 - khứ thanh	- Ngắn và nặng hơn thanh huyền nhưng dài và nhẹ hơn thanh nặng

## 1.2. Từ ngữ

Ngoài vốn từ ngữ bản địa ban đầu (từ thuần Việt), tiếng Việt còn hấp thu những yếu tố từ các nguồn khác trong lịch sử giao lưu tiếp xúc dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, sự tiếp xúc giữa tiếng Việt và tiếng Hoa đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tiếng Việt ở hai giai đoạn lớn: giai đoạn từ đầu Công nguyên đến đầu đời Đường (đầu thế kỉ VIII) và giai đoạn từ đời Đường (thế kỉ VIII - thế kỉ X) trở về sau.

Quá trình tiếp xúc Việt - Hán đã diễn ra trong một thời gian dài trong lịch sử, trải qua nhiều giai đoạn và những hình thức khác nhau, chịu sự tác động của nhiều nhân tố trong và ngoài ngôn ngữ. Kết quả của sự tiếp xúc đó là một khối lượng chữ Hán đáng kể đã du nhập vào Việt Nam, hình thành nên một lớp từ gốc Hán trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Thực tế đó đã khiến nhà nghiên cứu H. Maspéro nhằm tưởng tiếng Việt là một nhánh của gốc Hán Tạng khi nhận thấy có đến 60% từ Hán hiện diện trong tiếng Việt<sup>2</sup>.

Ngày nay, từ vựng gốc Hán vẫn giữ vai trò quan trọng trong ngôn ngữ Việt, được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, khoa học, kĩ thuật, nghệ thuật, v.v. bao gồm những từ mà người Việt mượn nguyên khối từ đời Đường và lớp từ mới do người Việt sáng tạo ra trên cơ sở kết hợp các yếu tố Hán Việt sẵn có. Trong nhóm từ gốc Hán mà người Việt mượn nguyên khối lại tồn tại một bộ phận không nhỏ những từ vựng có ý nghĩa vẫn được bảo lưu và sử dụng trong tiếng Hán hiện đại, chẳng hạn như:

Việt	xuân	thu	nam	nữ	giáo dục	ngôn ngữ	quốc tế	thành công
Hoa	春	秋	男	女	教育	言語	國際	成功

Ngoài các từ gốc Hán, chúng ta còn bắt gặp khá nhiều thành ngữ có gốc Hán hoặc có nội dung tương tự thành ngữ tiếng Hán trong tiếng Việt như:

- Cẩn tắc vô ưu                      謹則無憂
- Nhập gia tùy tục                  入家隨俗
- Mã đáo thành công              馬到成功
- Tương thân tương ái              相親相愛

<sup>2</sup> Lê Đình Khấn, 2002, tr 5.

- Phong điều vũ thuận	風調雨順	
- Một công đôi việc	一舉兩便	(Nhất cử lưỡng tiện)
- Giấu đầu lòi đuôi	露尾藏頭	(Lộ vĩ tàng đầu)
- Lòng lang dạ thú	狼子野心	(Lang tử dã tâm)
- Sống chết có số	生死有命	(Sinh tử hữu mệnh)
- Lấy độc trị độc	以毒制毒	(Dĩ độc chế độc)

...

Đặc biệt hơn, cách đọc một số từ ngữ Hán Việt có thể được chuyển sang âm tiếng Hoa nếu nắm được một số quy tắc nhất định, qua đó người học có thể phán đoán ý nghĩa của một số từ mới<sup>3</sup>.

- Chuyển dấu thanh:

Âm Hán Việt	Âm Hán hiện đại
An (thanh ngang)	安 [ān] (thanh 1)
Hòa (thanh huyền)	和 [hé] (thanh 2)
Thái (thanh sắc)	太 [tài] (thanh 4)
Cổ (thanh hỏi)	古 [gǔ] (thanh 3)
Mãi (thanh ngã)	買 [mǎi] (thanh 3)
Cộng (thanh nặng)	共 [gòng] (thanh 4)

- Chuyển phụ âm đầu, phụ âm cuối:

Âm Hán Việt	Âm Hán hiện đại
đ-: đả, đông, đáp	d-: 打 [dǎ], 東 [dōng], 答 [dá]
b-: bao, biến, binh	b-: 包 [bāo], 變 [biàn], 兵 [bīng]
-m, -n: ám, tam, lan, tán	-n: 暗 [àn], 三 [sān], 蘭 [lán], 散 [sàn]
-ng, -nh: lương, hưởng, linh, tính	-ing: 良 [liáng], 享 [xiǎng], 靈 [líng], 性 [xìng]

- Chuyển nguyên âm:

Âm Hán Việt	Âm Hán hiện đại
a: a, hán, hàn, án	a: 阿 [ā], 漢 [hàn], 寒 [hán], 按 [àn]
ô: ô, đô, độc, cổ, độ	u: 烏 [wū], 都 [dū], 獨 [dú], 古 [gǔ], 度 [dù]
oan: oan, loan, khoan	uan: 冤 [wān], 鸞 [luán], 寬 [kuān]
iêu: tiêu, biểu, diệu, tiêu	iao: 小 [xiǎo], 表 [biǎo], 妙 [miào], 宵 [xiāo]

<sup>3</sup> Nguyễn Ngọc Chinh và Nguyễn Hoàng Thân, 2007, tr.6-9.

### 1.3. Ngữ pháp

Ngữ tố của tiếng Hoa và tiếng Việt hầu hết là đơn âm. Các ngữ tố kết hợp với nhau tạo thành từ hợp thành (ghép), hoặc ngữ cố định. Phương thức cấu tạo từ của tiếng Hoa và tiếng Việt về cơ bản giống nhau. Cả tiếng Hoa và tiếng Việt đều là ngôn ngữ phân tích tính, thiếu các tiêu chí rõ ràng xác định từ loại và không có sự biến hoá từ hình, do đó về từ pháp và cú pháp có nhiều điểm tương đồng. Cách phân loại từ cũng gần giống nhau như hư từ, thực từ và các loại từ cụ thể. Ranh giới giữa các từ loại không rõ ràng. Vai trò của hư từ, thực từ của tiếng Hoa và tiếng Việt căn bản là giống nhau, không có biến hình, biến thái. Vị trí của từ trong câu quyết định chức năng ngữ pháp của nó<sup>4</sup>.

Nói chung, tiếng Việt và tiếng Hoa đều là các ngôn ngữ tiêu biểu của loại hình ngôn ngữ đơn lập, có những đặc điểm giống nhau cơ bản là:

(1) Từ không biến đổi hình thái. Hình thái của từ không chỉ ra quan hệ giữa các từ trong câu, không chỉ ra chức năng cú pháp của các từ.

- Động từ giữ nguyên hình thái, không biến đổi theo chủ ngữ.

Tôi **yêu** cô ấy.      Cô ấy **yêu** anh ta.      Họ **yêu** anh ta.  
我愛她。              她愛他。              她們愛他。

- Động từ không biến đổi hình thái theo thời thể.

Hôm qua, anh ấy **học** văn học.      Ngày mai, anh ấy **học** tiếng Hoa.  
昨天,他學文學。              明天,他學漢語。

- Danh từ không biến đổi theo số từ.

我要買一本書。              我要買十本書。  
Tôi muốn mua 1 quyển **sách**.      Tôi muốn mua 10 quyển **sách**.

(2) Quan hệ và ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị chủ yếu bằng trật tự từ và hư từ.

祖國              國祖              Tổ quốc              Quốc tổ  
我打他。              他打我。              Tôi đánh nó.      Nó đánh tôi.  
我愛你了。              Anh yêu em **rồi**.  
你去哪呢?              Bạn đi đâu **đấy** ?

### 1.4. Văn hóa

Bên cạnh sự tương đồng về mặt ngôn ngữ, sự gần gũi về mặt văn hóa cũng tạo ra lợi thế lớn cho người biết tiếng Hoa, am hiểu về Trung Hoa nói riêng và văn hóa khu vực Đông

<sup>4</sup> Nguyễn Ngọc Chinh và Nguyễn Hoàng Thân, 2007, tr.6-9.

Á nói chung khi học tập tiếng Việt. Sự quen thuộc trên bình diện văn hóa giúp khả năng lĩnh hội ngôn ngữ của học viên cao hơn, nhanh hơn và dễ dàng hơn so với những cá nhân đến từ các nền văn hóa khác, đặc biệt là những khu vực xa xôi và khác biệt như Âu Mỹ, Phi châu, v.v.

Có thể thấy, văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa nói riêng và nền văn hoá trong khu vực Đông Á nói chung thể hiện sự gần gũi trên nhiều phương diện, từ cách xưng hô, chào hỏi cho đến phong tục, tập quán và cả lối suy nghĩ, cách cư xử hàng ngày. Dưới đây là một số dẫn chứng về sự gần gũi ấy:

- Về họ tên: theo trật tự họ trước tên sau, thường dùng từ Hán Việt để đặt tên, rất coi trọng họ tên và có tục “kị húy”, v.v.
- Về cách xưng hô: theo kiểu “xưng khiêm hô tôn”, tự hạ thấp bản thân và nâng cao người đối thoại để tỏ sự tôn trọng và khiêm tốn, v.v.
- Về thời gian: hệ thống Âm lịch (Nông lịch) với Thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kì, Canh, Tân, Nhâm, Quý) và Địa chi (Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi), v.v.
- Về lễ tết: Tết Xuân, Tết Nguyên tiêu, Thanh minh, Tết Đoan ngo, Lễ Vu lan, Tết Trung thu, ngày Giao thừa, v.v..
- Về triết lí, tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, v.v.; tên tuổi của Khổng tử, Mạnh tử, Lão tử, Trang tử, v.v.; Tứ thư Ngũ kinh, Đạo đức kinh, v.v.; các khái niệm Âm Dương, Ngũ hành, Bát quái, v.v.; các vị thần tiên Ngọc Hoàng, Vương Mẫu, Hằng Nga, Phúc - Lộc - Thọ, v.v.
- Về luân lí, đạo đức: Tam cương Ngũ thường, Tam tông Tứ đức, đạo Hiếu và truyền thống sinh con trai nối dõi tông đường, v.v.
- Về văn học, nghệ thuật: các tác phẩm kinh điển như Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tây Du Kí, Thủy Hử, Hồng Lâu Mộng, v.v.; các nhân vật như Tào Tháo, Khổng Minh, Tôn Ngộ Không, Đường Tam Tạng, Bát Giới, Võ Tòng, v.v.; thơ Đường và tên tuổi của Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, v.v.
- Về điển tích: Ngưu lang Chức nữ, Mạnh mẫu dạy con, Võ Tòng đá hổ, Nguyệt lão tơ hồng, tri âm tri kỉ, ném mật nằm gai, cá vượt Vũ môn, v.v.
- Về y học: các vị thuốc Đông y, châm cứu, quan niệm Tinh - Khí - Thần, v.v.
- Về thể thao, giải trí: cờ tướng, võ thuật, Thái cực quyền, v.v.

## 2. Lợi thế trên thực tế

Về mặt lí thuyết, các học viên biết tiếng Hoa có những thuận lợi rất lớn khi học tiếng Việt, nhưng trên thực tế thì biết tiếng Hoa có thực sự là lợi thế hay không, các học viên đã nhận thức và tận dụng lợi thế này như thế nào là những vấn đề mà chúng tôi quan tâm nhưng chưa có câu trả lời đầy đủ. Vì vậy, để tìm đáp án cho những câu hỏi này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu một số học viên biết tiếng Hoa đã và đang theo học tiếng Việt

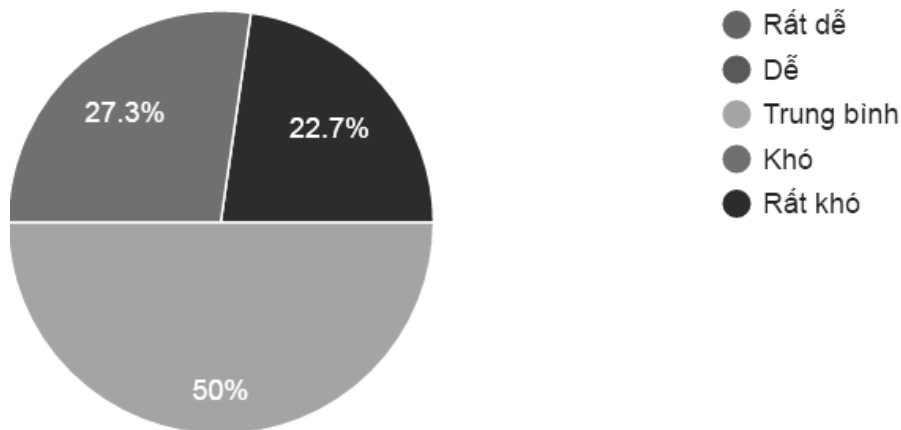
tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung phỏng vấn xoay quanh cảm nhận của học viên về độ khó của tiếng Việt nói chung và của từng kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết, những thuận lợi và nguyên nhân của thuận lợi mà họ nhận thấy khi học từng kỹ năng này, cách dạy và học cho từng kỹ năng mà họ cảm thấy hiệu quả nhất đối với bản thân và kinh nghiệm cá nhân về việc học tiếng Việt khi đã biết tiếng Hoa<sup>5</sup>.

Tổng cộng chúng tôi đã tiếp cận phỏng vấn được 22 người. Trong số đó, về giới tính có 10 nam và 12 nữ, về độ tuổi đa số là từ 18 đến 39 và một ít là từ 40 đến 60. Các học viên đến từ Đài Loan, Trung Quốc đại lục, Hàn Quốc, Philippines và Hoa Kỳ, trong đó nhiều nhất là Trung Quốc đại lục (10 người) và Đài Loan (7 người). Về ngôn ngữ, đa số đều biết tiếng Anh (86%) và có thể so sánh việc học tiếng Anh với tiếng Việt. Về các phương ngôn tiếng Hoa, đa số đều nói được tiếng Bắc Kinh (85%) hoặc Quảng Đông (25%). Trình độ tiếng Hoa đều từ trung cấp trở lên, trong đó đa số là tiếng Mẹ đẻ (77,3%). Thời gian học tiếng Việt khá đa dạng, một nửa số đó là trong khoảng từ sáu tháng đến một năm. Trình độ tiếng Việt hiện tại gồm trung cấp (59%), sơ cấp và vỡ lòng (41%).

### 2.1. Kỹ năng Nghe

Đánh giá về độ khó của kỹ năng Nghe, một nửa số người được hỏi cho rằng kỹ năng này có độ khó ở mức trung bình - không khó cũng không dễ, trong khi số còn lại đánh giá là khó hoặc rất khó.



**Hình 1:** Đánh giá về độ khó của kỹ năng Nghe

Ứng với số người đánh giá độ khó ở mức trung bình, một nửa số học viên được phỏng vấn nhận thấy có những từ dù chưa nghe rõ hoặc chưa từng học nhưng cảm giác khá quen thuộc, có thể liên tưởng ngay đến những từ tương ứng trong tiếng Hoa nên có thể phán đoán và hiểu được từ mới dễ dàng hơn. Các học viên này cũng chỉ ra rằng chính nhóm từ ngữ

<sup>5</sup> Phụ lục



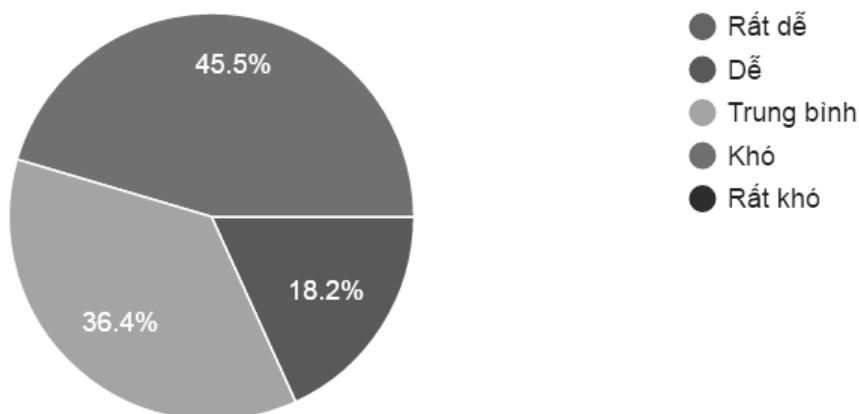
Hán Việt đã tạo ra lợi thế này cho họ trong khi các học viên cảm thấy Nghe khó hoặc rất khó lại chưa nhận ra ưu thế này.

Cách tự học kỹ năng Nghe của các học viên rất đa dạng, từ nghe CD giáo trình, xem phim, xem tivi, nghe nhạc trên mạng, cho đến thực hành trong tình huống thực tế, nói chuyện với người bản địa xung quanh như giáo viên, chủ nhà, đồng nghiệp, người bán hàng, bạn bè, v.v.; tóm lại là nên tiếp xúc với nhiều người Việt để quen với cách nói của nhiều người khác nhau.

Đối với cách dạy kỹ năng Nghe, những cách dạy nghe hiệu quả là cho học viên luyện tập nghe từ nhiều nguồn như tin tức thời sự trên tivi, radio, bài hát, phim ảnh; trước khi nghe giáo viên nên cho câu hỏi để học viên nghe xong thì trả lời hoặc yêu cầu học viên viết lại nội dung chính vừa nghe được. Giáo viên khi dạy nghe nên nói với tốc độ bình thường, không nên nói chậm, giải thích từ mới bằng tiếng Việt chứ không nên dùng ngôn ngữ khác. Có ý kiến còn cho rằng nên có giáo viên từ ba miền Bắc, Trung, Nam để học viên có thể hiểu và phân biệt được giọng nhiều vùng miền.

## 2.2. Kỹ năng Nói

Ở kỹ năng Nói, hơn 50% đánh giá độ khó ở mức trung bình trở xuống, trong đó có gần 20% cho rằng dễ. Khoảng 45% đánh giá kỹ năng này ở mức khó nhưng không lên đến mức rất khó như kỹ năng Nghe.



**Hình 2:** Đánh giá về độ khó của kỹ năng Nói

Đa số những người đánh giá nói tiếng Việt không khó đều nhận ra lợi thế của mình trên các phương diện như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Về ngữ âm, do đã biết đến các thanh điệu trong tiếng Hoa nên khi học các dấu trong tiếng Việt học viên dễ “bắt nhịp” và làm quen nhanh, chỉ cần chú ý và điều chỉnh một chút thì có thể nói tốt. Về từ vựng, do tiếng Việt có nhiều từ Hán Việt nghe gần giống tiếng Hoa nên học nhanh và dễ hơn, thậm chí có người còn cho biết nếu không nhớ chính xác một từ tiếng Việt như thế nào thì họ cứ nói từ đó bằng tiếng Hoa, người Việt đôi khi vẫn hiểu được. Về mặt ngữ pháp, tiếng Hoa và tiếng Việt gần giống nhau, ở mức độ đơn giản thì có thể ghép các từ tạo thành câu được, ví dụ

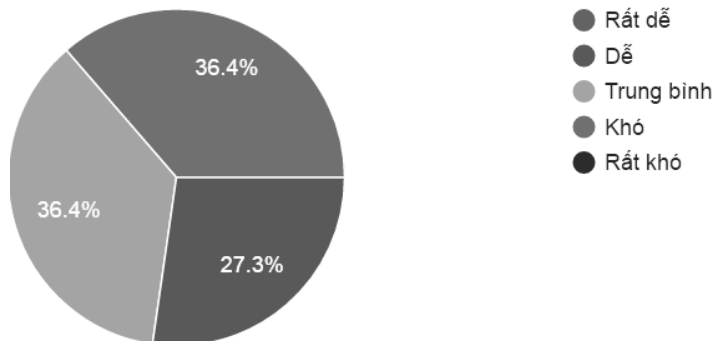
như “Anh ăn cơm chưa?”, “Tôi đã làm xong bài tập.” trong tiếng Việt và tiếng Hoa rất giống nhau.

Về cách tự học kỹ năng Nói, đa số ý kiến trả lời là luyện tập giao tiếp nhiều với giáo viên, bạn bè, đồng nghiệp, khi đi mua sắm, đi chơi hay hát karaoke nhạc Việt, có ý kiến còn gợi ý cá nhân nên chủ động thuyết trình một bài nói theo chủ đề để giáo viên nghe và sửa, sau đó đặt câu hỏi liên quan đến nội dung vừa thuyết trình.

Đối với cách dạy kỹ năng Nói, hầu hết các ý kiến đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo viên. Có nhiều đề xuất về cách dạy nói như giáo viên cho đề tài thuyết trình, thảo luận, trao đổi ý kiến, cho học viên kể chuyện, chơi trò chơi, khi học viên nói giáo viên chỉnh sửa, đặc biệt là lỗi phát âm. Nếu giáo viên biết tiếng Hoa thì khi dạy nên lưu ý các từ ngữ gốc Hán để người học ghi nhớ dễ dàng hơn.

### 2.3. Kỹ năng Đọc

Đối với kỹ năng Đọc, 27% cho là dễ, 36% cho là trung bình và 36% còn lại cho là khó. Đây là kỹ năng có tỉ lệ đánh giá dễ ở mức cao nhất trong số bốn kỹ năng.



**Hình 3:** Đánh giá về độ khó của kỹ năng Đọc

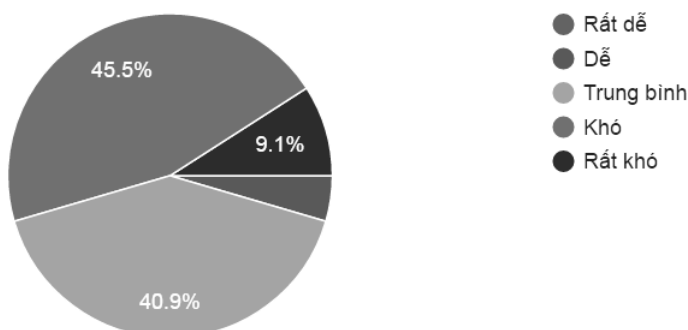
Thuận lợi khi học kỹ năng Đọc đến từ nhiều nguyên nhân. Một nguyên nhân dễ thấy là do kỹ năng này “nhẹ nhàng” hơn so với các kỹ năng còn lại, người học có thể nhìn thấy mặt chữ và đọc lại nếu cần, không mất nhiều thời gian luyện tập như nghe, nói và viết. Nguyên nhân còn lại là do họ nhận ra sự giống nhau về cấu trúc ngữ pháp, về từ ngữ Hán Việt nên có thể dùng từ điển Hán Việt tra cứu và hiểu nhanh, chính xác hơn những người không biết tiếng Hoa. Có ý kiến còn cho rằng nhờ biết tiếng Hoa mà khi đọc bài viết tiếng Việt, từ một từ gốc có thể hiểu thêm những từ phái sinh, ví dụ như “gia” - “gia đình”, “gia chủ”, “gia tài” hay “điện”- “điện tín”, “điện tử”, v.v..

Cách tự học kỹ năng Đọc được đề xuất rất đa dạng. Có thể chú ý luyện đọc các bài trong giáo trình hoặc đọc ngẫu nhiên các hóa đơn, tờ rơi, thực đơn, thông báo, bảng quảng cáo, báo chí cũng như mạng xã hội Facebook, v.v. và từ đó tìm ra các từ mới, tra từ điển và học thuộc bằng cách đọc nhẩm hay viết lại nhiều lần.

Các đề xuất cách dạy đọc hiệu quả xoay quanh những bài đọc mà giáo viên chuẩn bị cho học viên. Hầu hết mong muốn giáo viên cho bài đọc thêm về nhà để họ có thời gian chuẩn bị, tìm từ mới trước. Chủ đề của bài đọc nên đa dạng và thuộc nhiều thể loại khác nhau, có thể là truyện vui hoặc tin tức, v.v.. Sau khi chuẩn bị, người học muốn được đọc to cho giáo viên nghe, sau đó giáo viên giải thích từ mới và giới thiệu những từ đồng âm hay đồng nghĩa với các từ đang học. Có một ý kiến còn đề xuất giáo viên cho thông tin bằng tiếng Hoa để học viên viết lại bằng tiếng Việt.

## 2.4. Kỹ năng Viết

Viết là kỹ năng có tỉ lệ đánh giá từ khó trở lên cao nhất trong số bốn kỹ năng. 9% cho rằng rất khó, 45% cho rằng khó, 41% cho rằng trung bình và duy nhất một ý kiến đánh giá kỹ năng này dễ.



**Hình 4:** Đánh giá về độ khó của kỹ năng Viết

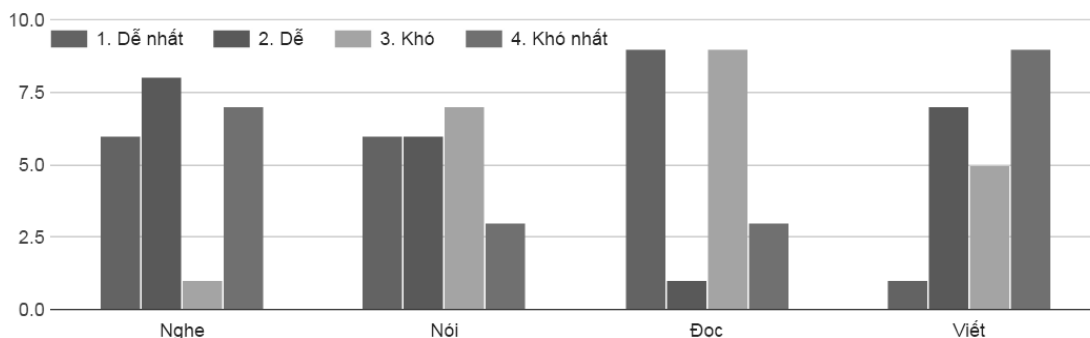
Một số người không nhận thấy bất cứ lợi thế nào khi học viết tiếng Việt. Nhóm trả lời có thuận lợi thì cho biết lí do là vì ngữ pháp tiếng Việt đơn giản, không thay đổi theo thời gian hay số lượng, cấu trúc câu gần giống nhau. Ngoài ra, có nhiều từ tiếng Việt viết gần giống như phiên âm của từ tiếng Hoa như “hậu”, “ý”, “điện”, v.v. cho nên có thể viết chính xác hơn những người chưa học tiếng Hoa.

Về cách học kỹ năng Viết, các đối tượng được khảo sát nêu ra khá nhiều cách học khác nhau. Đa số cho rằng muốn viết tiến bộ thì phải luyện tập viết nhiều, học từ mới bằng cách viết và đặt câu với từ mới. Có thể luyện viết theo đề tài hay viết nhật kí, gửi tin nhắn hay email bằng tiếng Việt. Một nhóm ý kiến khác cho rằng đọc và viết có quan hệ tương tác lẫn nhau nên để viết giỏi thì cần phải đọc nhiều để học cách viết, do đó nên đọc báo, đọc sách hay đọc thêm thông tin trên mạng.

Để dạy kỹ năng Viết tốt, theo những người được phỏng vấn thì nên áp dụng những cách như giáo viên yêu cầu học viên ở nhà viết bài luận theo chủ đề sau đó sửa và cho học viên biết cách khắc phục lỗi, học viên cũng có thể tự viết nhật kí bằng tiếng Việt để giáo viên nhận xét. Khi dạy, giáo viên chú ý nên viết chữ lớn, trình bày trên bảng rõ ràng, dễ nhìn. Ngoài ra, có một ý kiến mong muốn được học nhiều điểm ngữ pháp, luyện dịch từ tiếng Hoa sang tiếng Việt và ngược lại để nâng cao kỹ năng.

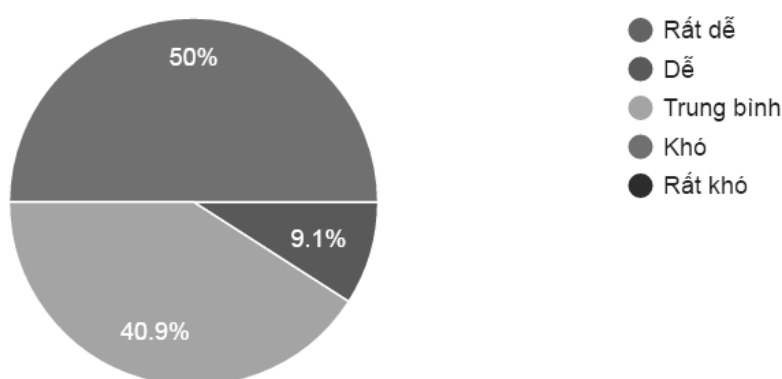
## 2.5. Đánh giá chung

Kết quả khảo sát so sánh độ khó của bốn kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết của tiếng Việt cho thấy kỹ năng Đọc và Nói được đánh giá là dễ nhất, trong khi kỹ năng Nghe khó hơn còn kỹ năng Viết là khó nhất.



**Hình 5:** So sánh độ khó của bốn kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết

Khi mới bắt đầu học tiếng Việt, đa số đều nhận định tiếng Việt khó, rất khó hoặc rất lạ, chủ yếu là do vấn đề phát âm và nhất là các dấu. Chỉ có một số ít cảm thấy bình thường, không khó và nhận ra sự tương đồng, gần gũi giữa hai ngôn ngữ này. Tuy nhiên, 100% học viên đều công nhận việc biết tiếng Hoa giúp việc học tiếng Việt trở nên dễ dàng hơn và sau một thời gian theo học, chỉ còn một nửa những người được phỏng vấn cho rằng tiếng Việt khó, trong khi số còn lại đã cảm thấy tiếng Việt không khó, thậm chí là dễ. Kết quả này chủ yếu xuất phát từ lợi thế của sự tương đồng giữa hai ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp, trong đó từ vựng Hán Việt với phát âm gần giống tiếng Hoa được đề cập nhiều nhất.



**Hình 6:** Đánh giá về độ khó của tiếng Việt

## 2.6. Kinh nghiệm học tập

Khi được đề nghị cho lời khuyên về việc học tiếng Việt, các cá nhân được phỏng vấn đã cung cấp nhiều kinh nghiệm khác nhau, nhưng chủ yếu tập trung vào vấn đề phát âm, từ vựng Hán Việt và sự kiên trì nỗ lực của cá nhân người học.

Về phát âm, nhiều ý kiến cho rằng đây là nội dung rất quan trọng, cần chú ý học phát âm chuẩn ngay từ đầu, tránh gây hiểu nhầm do phát âm sai. Do đó, cần phải luyện tập nói nhiều, tốt nhất là nên kết bạn và nói chuyện với nhiều người Việt, vừa vui vừa tiến bộ nhanh hơn nhờ phát hiện được lỗi sai và được sửa ngay khi đang nói. Cần giảm nói tiếng Anh tối đa, cũng không thể quá phụ thuộc vào tiếng Mẹ đẻ của mình và tránh dùng tiếng Mẹ đẻ để ghi chú cách đọc của ngoại ngữ. Ngoài ra, người biết tiếng Hoa nên học cách chuyển thanh điệu giữa hai ngôn ngữ. Bốn thanh trong tiếng Hoa gần giống tiếng Việt, nhưng phát âm của tiếng Việt hơi cao hơn tiếng Hoa nên cần chú ý, đồng thời luyện tập để phát âm hai dấu còn lại mà tiếng Hoa không có.

Về từ vựng, trong tiếng Việt có nhiều từ Hán Việt nhưng cũng nhiều từ thuần Việt, do đó lúc học nên phân loại từ thuần Việt và từ Hán Việt để thấy từ mới cần nhớ ít hơn so với những người không biết tiếng Hoa. Mỗi khi gặp từ mới không nên tra cứu ngay mà nên tự đoán, sau đó mới dùng từ điển hay hỏi giáo viên biết tiếng Hoa. Từ Hán Việt tuy rất có ích nhưng phải chú ý sự biến đổi về ý nghĩa so với từ tương ứng trong tiếng Hoa hiện nay, ví dụ như từ “quan thoại” ở Việt Nam chỉ có nghĩa là tiếng phổ thông nhưng trong tiếng Hoa còn có nghĩa là từ ngữ trong hành chính, từ “Nguyên đán” trong tiếng Việt chỉ Tết Âm lịch nhưng trong tiếng Hoa lại là Tết Tây.

Tuy nhiên, để thành công trong việc học tiếng Việt, yếu tố quan trọng nhất vẫn là sự kiên trì và nỗ lực của bản thân người học. Do đó, người biết tiếng Hoa mặc dù học tiếng Việt có thể thuận lợi hơn nhưng vẫn phải luyện tập thật nhiều cả bốn kỹ năng mới thành thạo. Một số ý kiến còn cho rằng biết tiếng Hoa khi học tiếng Việt là một lợi thế nhưng không phải là lợi thế quá lớn, chủ yếu vẫn phải có ý thức học tập tốt, có niềm đam mê, yêu thích và thực sự học tập chăm chỉ. Thậm chí, có người còn tin rằng việc biết tiếng Hoa không quan trọng, để giỏi tiếng Việt phụ thuộc vào khả năng hiểu, tiếp thu và ghi nhớ của học viên, những yếu tố khác chỉ là phụ.

Nhìn chung, kinh nghiệm thực tế của các học viên được phỏng vấn cho thấy việc học tiếng Việt sẽ dễ dàng và thuận lợi hơn khi khai thác lợi thế từ việc biết tiếng Hoa, tuy nhiên người học cần lưu ý những nhầm lẫn thường gặp và vẫn phải học tập tích cực, rèn luyện thường xuyên nếu muốn nhanh chóng thành công.

## **KẾT LUẬN**

Dựa trên kết quả nghiên cứu, chúng ta có cơ sở ban đầu để khẳng định rằng biết tiếng Hoa thực sự là lợi thế cho việc học tiếng Việt. Lợi thế này được hình thành trên cơ sở của sự tương đồng và gần gũi về mặt ngôn ngữ, văn hóa giữa hai quốc gia, dân tộc. Mặc dù vậy, khả năng tận dụng lợi thế này ở mỗi cá nhân là không đồng đều. Trong khi một số học viên rất nhạy bén trong việc khai thác những thuận lợi do sự tương đồng mang lại thì một số khác lại chưa sử dụng hiệu quả các thế mạnh này.

Nghiên cứu cũng chỉ ra những lợi thế mà các học viên biết tiếng Hoa thường tập trung chú ý, đó chính là bộ phận từ ngữ gốc Hán và cách phát âm gần gũi với tiếng Hoa của nhóm

từ ngữ này bên cạnh những điểm giống nhau về ngữ pháp. Tuy nhiên, những lợi thế này lại tạo ra những điểm yếu không dễ khắc phục như khi học viết, học viên thường mắc các loại lỗi kiểu vượt tuyến hoặc giao thoa theo cách nhìn của lí thuyết phân tích lỗi mà Nguyễn Ngọc Chinh và Nguyễn Hoàng Thân đã nêu ra.

Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy sở thích và kinh nghiệm đa dạng trong cách dạy và học tiếng Việt của nhóm học viên biết tiếng Hoa. Thực tế này cũng chứng tỏ việc dạy tiếng Việt cho các học viên này là không hề đơn giản và vẫn cần sự linh hoạt trong phương pháp truyền đạt để cùng lúc có thể phát huy những lợi thế sẵn có của học viên nhằm tối ưu hóa hiệu quả học tập của từng người học.

Do đó, những giáo viên biết tiếng Hoa hoặc có kiến thức nhất định về Hán văn khi tham gia dạy tiếng Việt cho những đối tượng biết tiếng Hoa cần chú ý tận dụng triệt để những lợi thế này. Tuy nhiên, do điều kiện còn nhiều khó khăn nên nghiên cứu khá hạn chế về số lượng mẫu phỏng vấn, vì vậy rất cần thêm nhiều công trình nghiên cứu nữa để khảo sát, xây dựng và đề xuất những phương pháp dạy tiếng Việt tốt nhất dành cho các đối tượng đã biết tiếng Hoa.

Cuối cùng, chúng tôi hi vọng thông tin của bài viết có thể góp phần thúc đẩy hoạt động giảng dạy và học tập tiếng Việt ở các quốc gia và vùng lãnh thổ nói tiếng Hoa nói riêng, đồng thời trở thành một nguồn tư liệu hữu ích cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập tiếng Việt như một ngoại ngữ nói chung.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đình Khẩn (2002). *Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt*. HCM: NXB ĐHQG-HCM.
2. N.V.Xtankevich (1982). *Loại hình ngôn ngữ*. Hà Nội: NXB ĐH&THCN.
3. Nguyễn Ngọc Chinh, Nguyễn Hoàng Thân (2007). Đặc điểm tương đồng và dị biệt của ngôn ngữ và của văn hóa Việt, Trung ảnh hưởng tới việc sử dụng, tiếp thu tiếng Việt trong quá trình học tập của sinh viên Trung Quốc. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng* số 3(20).
4. Nguyễn Văn Huân (2004). *Điện tích văn hóa Trung Hoa*. Hà Nội: NXB VHNT.
5. Nguyễn Văn Khang (2013). *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*. TP HCM: NXB Tổng hợp TP HCM.
6. Phan Văn Các (Chủ biên) (2002). *Từ điển Hán-Việt*. Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, Viện Ngôn ngữ học, NXB TP HCM.
7. Trương Đình Tín (2004). *Thành ngữ Hán Việt*. NXB Thuận Hoá.
8. Vương Kiến Huy, Dịch Học Kim (Chủ biên) (2004). *Tinh hoa tri thức văn hoá Trung Quốc*. Dịch giả: Đào Duy Đạt, Bùi Trọng Hiếu, Bùi Nguyên Long, Đào Văn Lưu. Hà Nội: NXB Thế Giới.

***Tài liệu internet***

9. Thanh Bình: *Những thứ tiếng khó học nhất thế giới*, VnExpress, 10/2016, <http://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/hoc-tieng-anh/nhung-thu-tieng-kho-hoc-nhat-the-gioi-3267587.html>
10. Tabitha Carvan: *Tôi bỏ cuộc lần thứ 3 với tiếng Việt!*, Báo Dân Trí, 10/2016, <http://dantri.com.vn/blog/toi-bo-cuoc-lan-thu-3-voi-tieng-viet-1319957471.htm>
11. Trương Thị Diễm: *Một số đặc trưng ngôn ngữ Việt ảnh hưởng đến việc nhận thức tiếng Việt của sinh viên nước ngoài*, Diễn đàn Cờ Việt, 10/2016, <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php?t=15091>
12. Y Vân: *Tiếng Việt trong mắt một người Anh*, VnExpress, 10/2016, <http://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/hoc-tieng-anh/tieng-viet-trong-mat-mot-nguoi-anh-3375591.html>

## PHỤ LỤC

### CÂU HỎI PHÒNG VẤN VỀ LỢI THẾ KHI HỌC TIẾNG VIỆT

#### A. Thông tin cá nhân

1. Giới tính
2. Tuổi
3. Quốc tịch
4. Các ngôn ngữ đã học
5. Tiếng Hoa
  - Những phương ngôn của tiếng Hoa mà bạn nói được (Bắc Kinh, v.v.)
  - Trình độ tiếng Hoa (Vỡ lòng / Sơ cấp / Trung cấp / Cao cấp / Tiếng Mẹ đẻ)
6. Tiếng Việt
  - Thời gian học tiếng Việt
  - Trình độ tiếng Việt (Vỡ lòng / Sơ cấp / Trung cấp / Cao cấp / Khác: ...)

#### B. Nội dung chính

1. Bạn cảm thấy tiếng Việt thế nào ? (Rất dễ / Dễ / Trung bình / Khó / Rất khó)
2. Hãy xếp 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết của tiếng Việt theo độ khó từ 1 đến 4 (1 là Dễ nhất, 2 là Dễ, 3 là Khó, 4 là Khó nhất)
3. Khi mới bắt đầu học tiếng Việt, bạn cảm thấy tiếng Việt như thế nào? Tại sao?
4. Bạn có cho rằng biết tiếng Hoa giúp học tiếng Việt dễ hơn không? Tại sao?
5. Kỹ năng Nghe
  - 5.1. Đánh giá chung về độ khó (Rất dễ / Dễ / Trung bình / Khó / Rất khó)
  - 5.2. Những thuận lợi khi học kỹ năng này là gì?
  - 5.3. Lí do vì sao thuận lợi?
  - 5.4. Bạn thường học kỹ năng này như thế nào?
  - 5.5. Bạn thích giáo viên dạy kỹ năng này như thế nào?
6. Kỹ năng Nói
  - 6.1. Đánh giá chung về độ khó (Rất dễ / Dễ / Trung bình / Khó / Rất khó)
  - 6.2. Những thuận lợi khi học kỹ năng này là gì?



6.3. Lí do vì sao thuận lợi?

6.4. Bạn thường học kỹ năng này như thế nào?

6.5. Bạn thích giáo viên dạy kỹ năng này như thế nào?

7. Kỹ năng Đọc

7.1. Đánh giá chung về độ khó (Rất dễ / Dễ / Trung bình / Khó / Rất khó)

7.2. Những thuận lợi khi học kỹ năng này là gì?

7.3. Lí do vì sao thuận lợi?

7.4. Bạn thường học kỹ năng này như thế nào?

7.5. Bạn thích giáo viên dạy kỹ năng này như thế nào?

8. Kỹ năng Viết

8.1. Đánh giá chung về độ khó (Rất dễ / Dễ / Trung bình / Khó / Rất khó)

8.2. Những thuận lợi khi học kỹ năng này là gì?

8.3. Lí do vì sao thuận lợi?

8.4. Bạn thường học kỹ năng này như thế nào?

8.5. Bạn thích giáo viên dạy kỹ năng này như thế nào?

9. Lời khuyên của bạn cho người biết tiếng Hoa khi học tiếng Việt là gì?